

Số: 80 /2025/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 29 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô cho các cơ quan, tổ chức,
đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Thông báo số 26-TB/TU ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Tỉnh ủy Lai Châu về kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại cuộc họp ngày 24 tháng 10 năm 2025; Công văn số 251-CV/ĐU ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai Thông báo số 26-TB/TU về kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại cuộc họp ngày 24 tháng 10 năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 11 năm 2025.
2. Các Quyết định sau hết hiệu lực từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 35/2024/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức và phương thức quản lý xe ô tô cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu.

b) Quyết định số 51/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu quy định số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực IX (địa bàn Lai Châu); Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (B/c);
- Bộ Tài chính (B/c);
- Cục KTVB & Quản lý XLVPHC-Bộ Tư pháp (B/c);
- TT. Tỉnh ủy (B/c);
- TT. HĐND Tỉnh (B/c);
- Đoàn ĐBQH tỉnh (B/c);
- Cơ quan Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VP UBND tỉnh: V, C;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Lai Châu;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT, Ktl, Kt8.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Lương

QUY ĐỊNH

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2025/QĐ-UBND ngày tháng 10 năm
2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, gồm:

- a) Phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung;
- b) Số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung;
- c) Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng;
- d) Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung.

2. Các nội dung khác không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan Nhà nước, Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Đảng ủy cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu.

2. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc xác định, ban hành, áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức và thay thế xe ô tô phục vụ công tác

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác quy định tại Quyết định này được sử dụng làm căn cứ để: Lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, mua sắm, bố trí, khoán kinh phí sử dụng, thuê dịch vụ xe ô tô; quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô.

2. Trường hợp một người giữ nhiều chức danh, chức vụ có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô thì được áp dụng tiêu chuẩn cao nhất. Khi người tiền nhiệm nghỉ

chế độ, chuyển công tác hoặc vì lý do khác mà không còn giữ chức vụ đó nữa nhưng xe ô tô đã trang bị chưa đủ điều kiện thay thế, thanh lý theo quy định thì người kế nhiệm tiếp tục sử dụng, không trang bị mới, trừ trường hợp xe ô tô được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và văn bản quy định chi tiết thi hành.

3. Xe ô tô được thanh lý khi đáp ứng một trong các điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 153/2025/NĐ-CP.

4. Số lượng xe ô tô tại Quy định này là số lượng tối đa. Căn cứ vào nhu cầu sử dụng xe ô tô thực tế để thực hiện nhiệm vụ được giao và nguồn hình thành tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nguồn kinh phí thực hiện mua sắm (nguồn ngân sách nhà nước cấp, ngân sách nhà nước hỗ trợ, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn kinh phí khác được phép sử dụng theo quy định của pháp luật), cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc giao, điều chuyển, mua sắm xe ô tô cho phù hợp, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 4. Phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung

Phân bổ số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở, ban, ngành và tương đương; Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các xã, phường xác định theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 5. Số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu

Số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, tuần tra biên giới, phục vụ người có công, bảo trợ xã hội, phân giới cắm mốc, điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, vận chuyển máy móc, thiết bị, mẫu thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, quản lý thị trường thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 6. Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng

Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 7. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung

Giao cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị có tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị; trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị thuộc, trực thuộc thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định việc bố trí sử dụng cho phù hợp.

Điều 8. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện

1. Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở, ban, ngành và tương đương; Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các xã, phường, tổ chức, đơn vị có liên quan:

a) Có trách nhiệm thực hiện đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức trang bị xe ô tô theo quy định tại Quyết định này; đồng thời công khai thực hiện việc trang bị, quản lý, sử dụng xe ô tô theo đúng định mức và các văn bản quy định hiện hành; rà soát, đề xuất xử lý xe ô tô dôi dư (nếu có);

b) Thực hiện cập nhật đầy đủ, chính xác số liệu xe ô tô, kê khai, báo cáo thay đổi thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công;

c) Trong trường hợp có thay đổi về cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc các Sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh và các đơn vị hành chính cấp xã, rà soát, báo cáo Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô cho phù hợp;

d) Trong trường hợp có thay đổi về chức năng, nhiệm vụ được giao của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc các Sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã, rà soát, báo cáo Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng.

2. Sở Tài chính

a) Rà soát, sắp xếp lại số xe ô tô hiện có của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã; trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị về xử lý xe ô tô dôi dư (nếu có) thực hiện xử lý xe ô tô dôi dư theo quy định.

b) Căn cứ định mức, tình hình thực tế về nhu cầu sử dụng xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và khả năng cân đối ngân sách địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí dự toán ngân sách hàng năm để trang bị xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức của các cơ quan, tổ chức, đơn vị đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả;

c) Đôn đốc việc cập nhật đầy đủ số liệu xe ô tô sau khi rà soát, xử lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

3. Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh: Công khai Quyết định trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu./.

**BIỂU PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG
CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH LAI CHÂU**

(Kèm theo Quyết định số: /2025/QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Tên đơn vị	Định mức (số lượng)	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	193	
A	CẤP TỈNH	117	
I	VĂN PHÒNG CẤP TỈNH	16	
1	Văn phòng UBND tỉnh	8	
2	Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh	8	
II	CÁC SỞ, BAN NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG, ỦY BAN MTTQ CẤP TỈNH	101	
	CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, CƠ QUAN ỦY BAN MTTQ CẤP TỈNH	87	
1	Sở Tài chính và các đơn vị trực thuộc	5	
1.1	<i>Sở Tài chính</i>	4	
1.2	<i>Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Tư vấn, Dịch vụ Tài chính</i>	1	
2	Sở Nội vụ và các đơn vị trực thuộc	6	
2.1	<i>Sở Nội vụ</i>	4	
2.2	<i>Trung tâm Lưu trữ lịch sử</i>	1	
2.3	<i>Trung tâm Điều dưỡng người có công và Dịch vụ việc làm</i>	1	
3	Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị trực thuộc	15	
3.1	<i>Sở Nông nghiệp và Môi trường</i>	4	
3.2	<i>Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước</i>	1	
3.3	<i>Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường</i>	1	
3.4	<i>Quỹ bảo vệ và phát triển rừng</i>	1	
3.5	<i>Chi cục Kiểm lâm</i>	1	
3.6	<i>Chi cục phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng Nông Lâm sản, thủy sản</i>	1	
3.7	<i>Chi cục Chăn nuôi và Thú y</i>	1	
3.8	<i>Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật</i>	1	
3.9	<i>Trung tâm khuyến nông và Kỹ thuật nông nghiệp</i>	1	
3.10	<i>Văn phòng đăng ký đất đai</i>	1	
3.11	<i>Ban Quản lý rừng phòng hộ</i>	2	
4	Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị trực thuộc	5	
4.1	<i>Sở Khoa học và Công nghệ</i>	3	
4.2	<i>Trung tâm Kiểm định và Phát triển khoa học công nghệ</i>	1	
4.3	<i>Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông</i>	1	
5	Sở Dân tộc và tôn giáo	3	
6	Sở Xây dựng và các đơn vị trực thuộc	6	
6.1	<i>Sở Xây dựng</i>	3	
6.2	<i>Trung tâm Đăng kiểm và Quản lý bến xe</i>	1	
6.3	<i>Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng</i>	1	
6.2	<i>Ban Quản lý dự án và Bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông tỉnh</i>	1	
7	Sở Văn hóa thể thao và DL và các đơn vị trực thuộc	9	
-	<i>Sở Văn hóa thể thao và DL</i>	4	
-	<i>Trung tâm văn hóa nghệ thuật tỉnh</i>	2	
-	<i>Bảo tàng tỉnh</i>	1	

STT	Tên đơn vị	Định mức (số lượng)	Ghi chú
-	Thư viện tỉnh	1	
-	Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao	1	
8	Sở Giáo dục	6	
9	Sở Y tế	5	
10	Thanh tra tỉnh	5	
11	Sở Ngoại vụ	3	
12	Sở Công Thương và các đơn vị trực thuộc	5	
12.1	Sở Công Thương	3	
12.2	Trung tâm Khuyến công	1	
12.3	Chi cục Quản lý thị trường	1	
13	Sở Tư pháp và các đơn vị trực thuộc	4	
13.1	Sở Tư pháp	2	
13.2	Trung tâm Trợ giúp pháp lý	1	
13.3	Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản	1	
14	Ban An toàn giao thông tỉnh	1	
15	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	3	
16	Cơ quan Ủy ban MTTQ VN tỉnh (bao gồm các tổ chức chính trị xã hội)	6	
16.1	Cơ quan Ủy ban MTTQ tỉnh	5	
16.2	Trung tâm hoạt động cộng đồng	1	
	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC UBND TỈNH TRỪ LĨNH VỰC Y TẾ, GD&ĐT	12	
1	Ban QL Trung tâm Hành chính - Chính trị tỉnh	1	
2	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh	3	
3	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	3	
4	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh	3	
5	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Lai Châu	2	
	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC UBND TỈNH THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ, GD&ĐT	2	
1	Trường Cao đẳng Lai Châu	2	
B	CẤP XÃ (02 xe/xã gồm: Văn phòng Đảng ủy xã: 01 xe; Văn phòng HĐND-UBND xã: 01 xe)	76	
1	Xã Mường Kim	2	
2	Xã Khoen On	2	
3	Xã Than Uyên	2	
4	Xã Mường Than	2	
5	Xã Pắc Ta	2	
6	Xã Nậm Sò	2	
7	Xã Tân Uyên	2	
8	Xã Mường Khoa	2	
9	Xã Bản Bo	2	
10	Xã Bình Lư	2	
11	Xã Tả Lèng	2	
12	Xã Khun Há	2	
13	Xã Sin Suối Hồ	2	
14	Xã Phong Thổ	2	

STT	Tên đơn vị	Định mức (số lượng)	Ghi chú
15	Xã Đào San	2	
16	Xã Si Lở Lầu	2	
17	Xã Khổng Lào	2	
18	Xã Tủa Sín Chải	2	
19	Xã Sin Hồ	2	
20	Xã Hồng Thu	2	
21	Xã Nậm Tăm	2	
22	Xã Pu Sam Cáp	2	
23	Xã Nậm Cuối	2	
24	Xã Nậm Mạ	2	
25	Xã Lê Lợi	2	
26	Xã Nậm Hàng	2	
27	Xã Mường Mô	2	
28	Xã Hua Bum	2	
29	Xã Pa Tần	2	
30	Xã Bum Nưa	2	
31	Xã Bum Tở	2	
32	Xã Mường Tè	2	
33	Xã Thu Lũm	2	
34	Xã Pa Ủ	2	
35	Phường Tân Phong	2	
36	Phường Đoàn Kết	2	
37	Xã Mù Cả	2	
38	Xã Tà Tổng	2	

BIỂU SỐ LƯỢNG XE Ô TÔ BÁN TẢI, XE Ô TÔ 16 CHỖ NGỒI PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG
CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ TỈNH LAI CHÂU

(Kèm theo Quyết định số: /2025/QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Tên đơn vị	Định mức	Chủng loại	Ghi chú
	TỔNG SỐ	58		
A	CẤP TỈNH	20		
1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	12		
-	Chi cục Kiểm lâm	10	Xe bán tải	
	Hạt kiểm lâm các huyện	8	Xe bán tải	
-	Chi cục trồng trọt và BVTV	1	Xe bán tải	
-	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	1	Xe bán tải	
2	Sở Y tế	1		
-	Trung tâm Bảo trợ xã hội	1	Xe bán tải	
3	Sở Nội vụ	1		
-	Trung tâm Điều dưỡng người có công và Dịch vụ việc làm	1	Xe 16 chỗ	
4	Sở Công thương	5		
-	Chi cục Quản lý thị trường	5	Xe bán tải	
5	Sở Khoa học và Công nghệ	1		
-	Trung tâm Kiểm định và Phát triển khoa học công nghệ	1	Xe bán tải	
B	CẤP XÃ	38		
1	Văn phòng HĐND&UBND xã Mường Kim	1	Xe bán tải	
2	Văn phòng HĐND&UBND xã Khoen On	1	Xe bán tải	
3	Văn phòng HĐND&UBND xã Than Uyên	1	Xe bán tải	
4	Văn phòng HĐND&UBND xã Mường Than	1	Xe bán tải	
5	Văn phòng HĐND&UBND xã Pắc Ta	1	Xe bán tải	
6	Văn phòng HĐND&UBND xã Nậm Sỏ	1	Xe bán tải	
7	Văn phòng HĐND&UBND xã Tân Uyên	1	Xe bán tải	
8	Văn phòng HĐND&UBND xã Mường Khoa	1	Xe bán tải	
9	Văn phòng HĐND&UBND xã Bản Bo	1	Xe bán tải	
10	Văn phòng HĐND&UBND xã Bình Lư	1	Xe bán tải	
11	Văn phòng HĐND&UBND xã Tả Lèng	1	Xe bán tải	
12	Văn phòng HĐND&UBND xã Khun Há	1	Xe bán tải	
13	Văn phòng HĐND&UBND xã Sin Suối Hồ	1	Xe bán tải	
14	Văn phòng HĐND&UBND xã Phong Thổ	1	Xe bán tải	
15	Văn phòng HĐND&UBND xã Đào San	1	Xe bán tải	
16	Văn phòng HĐND&UBND xã Sỉ Lở Lầu	1	Xe bán tải	
17	Văn phòng HĐND&UBND xã Khổng Lào	1	Xe bán tải	

STT	Tên đơn vị	Định mức	Chủng loại	Ghi chú
18	Văn phòng HĐND&UBND xã Tủa Sín Chải	1	Xe bán tải	
19	Văn phòng HĐND&UBND xã Sìn Hồ	1	Xe bán tải	
20	Văn phòng HĐND&UBND xã Hồng Thu	1	Xe bán tải	
21	Văn phòng HĐND&UBND xã Nậm Tăm	1	Xe bán tải	
22	Văn phòng HĐND&UBND xã Pu Sam Cáp	1	Xe bán tải	
23	Văn phòng HĐND&UBND xã Nậm Cuối	1	Xe bán tải	
24	Văn phòng HĐND&UBND xã Nậm Mạ	1	Xe bán tải	
25	Văn phòng HĐND&UBND xã Lê Lợi	1	Xe bán tải	
26	Văn phòng HĐND&UBND xã Nậm Hàng	1	Xe bán tải	
27	Văn phòng HĐND&UBND xã Mường Mô	1	Xe bán tải	
28	Văn phòng HĐND&UBND xã Hua Bum	1	Xe bán tải	
29	Văn phòng HĐND&UBND xã Pa Tần	1	Xe bán tải	
30	Văn phòng HĐND&UBND xã Bum Nưa	1	Xe bán tải	
31	Văn phòng HĐND&UBND xã Bum Tở	1	Xe bán tải	
32	Văn phòng HĐND&UBND xã Mường Tè	1	Xe bán tải	
33	Văn phòng HĐND&UBND xã Thu Lũm	1	Xe bán tải	
34	Văn phòng HĐND&UBND xã Pa Ủ	1	Xe bán tải	
35	Văn phòng HĐND&UBND xã Mù Cả	1	Xe bán tải	
36	Văn phòng HĐND&UBND xã Tà Tổng	1	Xe bán tải	
37	Văn phòng HĐND&UBND phường Tân Phong	1	Xe bán tải	
38	Văn phòng HĐND&UBND phường Đoàn Kết	1	Xe bán tải	

**BIỂU TIÊU CHUẨN ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG TRANG BỊ CHO CÁC CƠ QUAN,
TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH LAI CHÂU**

(Kèm theo Quyết định số: /2025/QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Đối tượng sử dụng	Chủng loại	Định mức	Ghi chú
	Tổng		16	
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng	1	
2	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		3	
a)	Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh	Xe ô tô tải	1	
		Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	1	
b)	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	1	
3	Sở Xây dựng		2	
	Ban Quản lý dự án và bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông tỉnh	Xe gắn biển hiệu nhận biết "Tuần kiểm đường bộ" và xe thực hiện công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	2	
4	Sở Nông nghiệp và Môi trường		1	
	Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường	Xe gắn thiết bị quan trắc môi trường	1	
5	Trường Cao đẳng Lai Châu	Xe phục vụ đào tạo, giảng dạy	1	
6	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và truyền thông phường Đoàn Kết	Xe phát thanh truyền hình lưu động	1	
7	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và truyền thông xã Bình Lư	Xe phát thanh truyền hình lưu động	1	
8	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và truyền thông xã Tân Uyên	Xe phát thanh truyền hình lưu động	1	
9	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và truyền thông xã Than Uyên	Xe phát thanh truyền hình lưu động	1	
10	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và truyền thông xã Phong Thổ	Xe phát thanh truyền hình lưu động	1	
11	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và truyền thông xã Sìn Hồ	Xe phát thanh truyền hình lưu động	1	
12	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và truyền thông xã Nậm Hàng	Xe phát thanh truyền hình lưu động	1	
13	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và truyền thông xã Bóm Tở	Xe phát thanh truyền hình lưu động	1	